

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

*Báo cáo tài chính hợp nhất*

*Cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015  
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASC)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI**

Địa chỉ: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

---

**MỤC LỤC**

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 49



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLĐN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2015 là: **2.199.398.670.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mạtít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bom, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

#### **4. Cấu trúc của Công ty**

**Tổng số công ty con: 03 Công ty con**

+ Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty

+ Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

**- Danh sách các Công ty con được hợp nhất :**

**- Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc**

+ Địa chỉ : Số 81 Hùng Vương, Khu Phố 5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

+ Vốn điều lệ : 61.000.000.000 VND

+ Vốn thực góp : 61.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 99%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 99%



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Địa chỉ: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### - Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát

+ Địa chỉ : 09 Nguyễn Kim, P.12, Quận 5, Tp.HCM

+ Vốn điều lệ : 34.500.000.000 VND

+ Vốn thực góp : 34.500.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 66%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 66%

#### - Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp

+ Địa chỉ: Số 06, Đỗ Công Tường, Phường 2, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Vốn điều lệ : 51.102.520.000 VND

+ Vốn thực góp : 51.102.520.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 64%

+ Quyền biểu quyết : 64%

#### Đầu tư liên doanh liên kết:

##### + Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.

+ Địa chỉ : Lô 10 Đường 6 Khu đô thị Sao Mai, Xuân Hòa, Tịnh Biên, An Giang

+ Vốn điều lệ : 10.000.000.000 VND

+ Vốn thực góp : 5.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty : 35,1%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 35,1%

##### + Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia

+ Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

+ Vốn điều lệ : 983.250.000.000 VND

+ Vốn thực góp : 983.250.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty : 23,17%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 23,17%

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2015 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuần	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Văn Chung	Thành viên
Ông:	Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông:	Lê Văn Thủy	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Lê Văn Lâm	Thành viên
Bà:	Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuần	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài Chính



Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Trương Công Khánh	Trưởng ban
Bà:	Lê Thị Tính	Ủy viên
Ông:	Lê Thanh Hân	Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Thanh Thuần

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Hoàng Sang

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



LÊ THANH THUẬN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ THANH THUẬN



Số : 333/BCKT/TC/2016/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được lập ngày 28 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2013-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.057.128.120.453</b>	<b>1.953.211.041.211</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.01</b>	<b>472.339.566.075</b>	<b>389.731.896.437</b>
111	1. Tiền		80.142.651.139	39.466.688.104
112	2. Các khoản tương đương tiền		392.196.914.936	350.265.208.333
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.572.441.057.813</b>	<b>685.843.509.651</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	362.280.763.909	337.983.074.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.031.044.021.159	270.196.363.430
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	179.106.631.938	77.664.071.904
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		9.640.807	
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.05</b>	<b>1.005.217.662.090</b>	<b>861.193.048.643</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.005.217.662.090	861.193.048.643
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.129.834.475</b>	<b>16.442.586.480</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.10	192.002.512	29.317.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	V.13	4.541.991.861	16.346.245.182
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	2.395.840.102	67.024.298
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

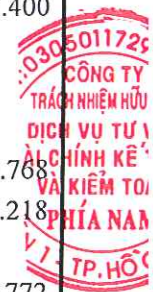
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>851.373.814.110</b>	<b>528.033.451.222</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>848.337.884</b>	<b>582.491.513</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		44.500.000	
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	803.837.884	582.491.513
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>141.726.532.527</b>	<b>91.308.963.641</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	111.249.929.423	69.158.198.641
222	- Nguyên giá		153.766.616.301	88.892.920.841
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(42.516.686.878)	(19.734.722.200)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	30.476.603.104	22.150.765.000
228	- Nguyên giá		30.476.603.104	22.150.765.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.09	<b>47.884.453.137</b>	<b>85.763.335.670</b>
231	- Nguyên giá		52.489.956.454	105.900.867.651
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.605.503.317)	(20.137.531.981)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>51.697.679.793</b>	<b>51.777.679.793</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.06	51.697.679.793	51.777.679.793
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	<b>310.885.253.856</b>	<b>272.876.816.811</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		265.747.841.810	248.949.869.307
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.060.000.000	23.940.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(32.587.954)	(13.052.496)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.110.000.000	
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>298.331.556.913</b>	<b>25.724.163.794</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	18.551.828.763	16.952.822.447
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.637.141.092	1.738.791.714
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.10	278.142.587.058	7.032.549.633
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.908.501.934.563</b>	<b>2.481.244.492.433</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.472.343.617.299</b>	<b>1.203.534.595.293</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>933.396.244.244</b>	<b>778.826.401.977</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	91.682.699.532	101.040.087.826
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		262.021.416.318	88.200.414.440
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	16.186.248.345	35.930.362.549
314	4. Phải trả người lao động		848.661.788	482.564.004
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		206.630.900	150.408.400
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		32.771.588.403	
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	56.978.712.455	22.597.607.768
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.11	462.259.616.206	521.663.950.218
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.440.670.297	8.761.006.772
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>538.947.373.055</b>	<b>424.708.193.316</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		329.676.689	
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.15	7.429.062.147	7.936.325.972
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.14	3.027.537.019	3.174.600.241
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.11	528.161.097.200	413.595.702.900
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			1.564.203
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	<b>D . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.16	2.436.158.317.264	1.277.709.897.140
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		2.436.158.317.264	1.277.709.897.140
411	<b>1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		2.199.398.670.000	1.072.877.400.000
411a	- <b>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</b>		2.199.398.670.000	1.072.877.400.000
411b	- <b>Cổ phiếu ưu đãi</b>			
412	<b>2. Thặng dư vốn cổ phần</b>		45.056.200.000	45.057.080.000
413	<b>3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</b>			
414	<b>4. Vốn khác của chủ sở hữu</b>			
415	<b>5. Cổ phiếu quỹ (*)</b>			
416	<b>6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>			
417	<b>7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>			
418	<b>8. Quỹ đầu tư phát triển</b>		29.741.625.938	23.304.431.230
419	<b>9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</b>			
420	<b>10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>		4.971.647.795	4.971.647.795
421	<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		145.064.513.594	120.995.887.650
421a	- <b>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</b>		69.390.533.016	58.234.527.050
421b	- <b>LNST chưa phân phối kỳ này</b>		75.673.980.578	62.761.360.600
422	<b>12. Nguồn vốn đầu tư XDCB</b>			
429	<b>13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>		11.925.659.937	10.503.450.465
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
431	<b>1. Nguồn kinh phí</b>			
432	<b>2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</b>			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.908.501.934.563</b>	<b>2.481.244.492.433</b>



Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



**NGÔ THỊ TÔ NGÂN**

**NGUYỄN HOÀNG SANG**

**LÊ THANH THUẬN**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	952.780.491.486	1.222.977.836.978
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	72.164.550.078	23.689.038.720
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		880.615.941.408	1.199.288.798.258
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	691.231.554.631	1.001.869.699.030
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		189.384.386.777	197.419.099.228
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	11.970.684.001	10.625.012.333
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	20.888.947.425	52.680.947.242
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.880.872.209	49.543.107.781
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	VI.06	10.651.571.302	14.371.479.983
25	9. Chi phí bán hàng	VI.06	32.719.089.195	39.764.137.730
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	51.180.900.581	22.615.245.646
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		107.217.704.879	107.355.260.926
31	12. Thu nhập khác	VI.07	988.132.150	781.954.036
32	13. Chi phí khác	VI.08	1.992.179.772	351.902.593
40	14. Lợi nhuận khác		(1.004.047.622)	430.051.443
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		106.213.657.257	107.785.312.369
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		22.001.097.813	20.371.178.842
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1.638.705.295)	(1.740.225.916)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		85.851.264.739	89.154.359.443
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		85.631.155.321	89.151.043.528
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		220.109.418	3.315.915
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		616	1.672
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		581	555

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

NGÔ THỊ TỔ NGÂN

NGUYỄN HOÀNG SANG

LÊ THANH THUẬN



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		106.213.657.257	107.785.312.369
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		7.249.936.014	5.996.265.030
03	2. Các khoản dự phòng		(19.535.458)	
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(137.900.866)	(32.464.262)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.525.786.004)	(9.547.219.908)
06	5. Chi phí lãi vay		17.880.872.209	48.421.405.704
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		125.661.243.152	152.623.298.938
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(891.316.386.394)	(144.942.784.065)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(121.322.128.294)	(205.940.969.476)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		258.395.150.324	41.107.790.031
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.761.691.828)	(1.568.890.763)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(74.678.041.629)	(75.869.485.657)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.555.485.610)	(6.026.515.750)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			(60.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(733.577.340.279)</b>	<b>(240.677.556.747)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(290.857.853.642)	(16.395.085.248)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			3.211.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.110.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(186.404.780.000)	(21.097.729.800)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		165.000.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.525.786.004	9.543.971.745
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(311.846.847.638)</b>	<b>(27.945.632.030)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.072.876.520.000	500.676.120.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.279.683.298.752	1.929.135.134.244
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.224.522.238.464)	(1.773.403.672.474)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.001.000)	(23.849.724.719)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.128.010.579.288	632.557.857.051
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		82.586.391.371	363.934.668.274
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		389.731.896.437	25.764.763.901
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		21.278.267	32.464.262
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		472.339.566.075	389.731.896.437

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

NGUYỄN HOÀNG SANG

TẬP ĐOÀN SAO MAI  
M.S.D.N: 160010924-C.T.C  
T.P. LONG XUYỀN - T. AN GIANG

LÊ THANH THUẬN

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2015 là: **2.199.398.670.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mịn; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tổng số các Công ty con

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty con

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
- Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	Số 81 Hùng Vương, Khu Phố 5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang	99,00%	99,00%
- Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	Số 09 Nguyễn Kim, P.12, Quận 5, Tp.HCM	66,00%	66,00%
- Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 06, Đổ Công Tường, Phường 2, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.	64,00%	64,00%

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.	Lô 10 Đường 6 Khu đô thị Sao Mai, Xuân Hòa, Tịnh Biên, An Giang	35%	35%
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	23%	23%

### II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

#### 2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

#### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

**a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### + Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### + Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### + Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh khoản vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn góp vào Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của Công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và sử dụng chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty mẹ trong trường hợp cần thiết.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết: Đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính được trích lập trong kỳ liên quan đến khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết của Công ty. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được thực hiện điều chỉnh giảm để loại trừ số dự phòng được trích lập trong kỳ.

### + Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm cả mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan.

### Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư:

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá trị hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

**Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2015*

*Đơn vị tính: VND*

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

**Vốn** đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

**Khi** giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

**Vốn** góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- **Vốn** góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- **Thặng dư** vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

**Lợi** nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Việc** phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

**Công ty** mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

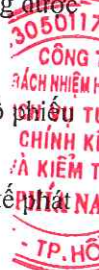
**Khi** phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- *Doanh thu bán hàng*

**Doanh thu** bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### *- Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *- Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### *- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### *- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

**Giảm giá hàng bán** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

**Hàng bán trả lại** phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

**Giá vốn hàng bán** bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

**Giá trị hàng tồn kho** hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

**Đối với** chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

**Chi phí tài chính** bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

**Chi phí bán hàng** phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp** phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành** là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Thuế thu nhập hoãn lại** là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Giá trị ghi sổ** của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

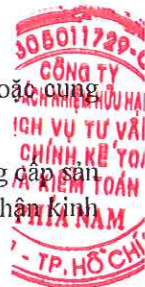
Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Giao dịch hợp nhất qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Khi đạt được quyền kiểm soát, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phân vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2015

Đơn vị tính: VND

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.
- Nếu thời điểm thoái vốn cách xa thời điểm lập báo cáo: Do công ty con đã trở thành công ty liên kết nên trên Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ không tiếp tục hợp nhất toàn bộ công ty con mà chỉ hợp nhất kết quả của công ty con kể từ đầu kỳ đến thời điểm thoái vốn.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.784.470.365	20.130.428.952
Tiền gửi không kỳ hạn	63.358.180.774	19.336.259.152
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	392.196.914.936	350.265.208.333
- Tiền gửi có kỳ hạn		
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	392.196.914.936	350.265.208.333
<b>Cộng</b>	<b>472.339.566.075</b>	<b>389.731.896.437</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh  
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ

b1) Ngắn hạn				
b2) Dài hạn	5.110.000.000	5.110.000.000		
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.110.000.000	5.110.000.000		

### c) Đầu tư Công ty liên doanh liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý

Đầu tư Công ty liên doanh liên kết	265.747.841.810	196.560.744.300		
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	265.747.841.810	196.560.744.300		

### + Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (\*)

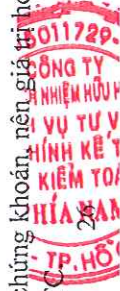
+ Công ty CP CP Dầu Cá Châu Á (\*)

### d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá gốc
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	40.060.000.000	82.500.000.000	(32.587.954)	23.940.000.000
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính (*)	8.060.000.000		(32.587.954)	7.940.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	15.000.000.000	82.500.000.000		15.000.000.000
+ Công ty CP Nhứt Hồng (*)	15.000.000.000			
+ Công ty CP Bóng Đá Đồng Tháp (*)	2.000.000.000			1.000.000.000

### Ghi chú:

(\*) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

**- Công ty liên kết**

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.	35%	35%	2.053.208	(6.757.793.721)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	23%	23%	104.135.053.694	96.148.880.481

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ  
Xem chi tiết thuyết minh VIII.03

### 03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>362.280.763.909</b>	<b>337.983.074.317</b>
+ Công ty TNHH VẠN ĐẠT		1.035.725.000
+ NMCBDC - Hội trường & phòng làm việc		3.150.000.000
+ Nhà và Đất 659/33 THĐ (đất Ong Đoàn Hòa)		8.800.000.000
+ Công ty IDI - Cá NL (NC)	1.523.316.675	9.365.029.600
+ Công ty TNHH MTV XD TM Sông Đà (Đất Trại Gà)		10.000.000.000
+ NMCBDC - Móng & khung thép bồn chứa Dầu	222.175.697	4.121.175.697
+ Công ty CP SATRA Thái Sơn	6.974.620.468	6.974.620.468
+ Khu Cư Xá Ngân Hàng - Cao Lãnh	671.450.000	671.450.000
+ Khu dân cư Huyện Tri Tôn	30.896.208.001	8.961.635.001
+ Khu dân cư Hội An - Chợ Mới	14.574.072.030	10.079.788.720
+ Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú	14.436.042.075	12.637.589.100
+ Khu dân cư Tân Hiệp - Kiên Giang	20.859.692.000	14.634.590.000
+ Khu dân cư Xuân Biên - Tịnh Biên	37.899.724.006	20.029.792.700
+ Khu Dân Cư Phường 7 - TX Bến Tre	9.395.922.400	23.139.910.798
+ Khu dân cư Bình Khánh 5 (năm)	77.354.121.000	26.256.761.500
+ Khu DC-TM-DV Bến Xe Châu Đốc	23.853.041.000	26.784.801.000
+ Khu dân cư Bình Khánh 3 (ba)	91.623.671.233	116.002.229.513
+ CN Lắp Vò ( Cty Hao Wei Yuan Co., LTD - Trung Quốc)	2.492.200.233	33.477.210.868
+ Tư gia Bà Thanh Tâm (Lê Triệu Kiệt)	6.406.537.000	
+ Công ty TAI YAT DISTRIBUTION	710.878.080	
+ Đối tượng khác	22.387.092.011	1.860.764.352

**b) Dài hạn**

Cộng

**362.280.763.909**      **337.983.074.317**

**c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty liên kết	1.523.316.675	9.365.029.600

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

04 . PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	179.106.631.938		77.664.071.904	
Tạm ứng	112.831.483.035		59.868.512.930	
Phải thu người lao động				
Ký cược, ký quỹ	547.680.000		547.680.000	
Các khoản chi hộ				
Phải thu khác	65.727.468.903		17.247.878.974	
b) Dài hạn	803.837.884		582.491.513	
Phải thu khác	803.837.884		582.491.513	
Cộng	179.910.469.822		78.246.563.417	

05 . HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	1.000.922.558		857.917.170	
- Công cụ, dụng cụ			16.058.646	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	86.700.840.433		93.755.883.076	
- Thành phẩm	139.000.000			
- Hàng hóa	917.360.159.099		737.673.429.751	
- Hàng gửi đi bán	16.740.000		28.889.760.000	
- Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	1.005.217.662.090		861.193.048.643	

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Xem TM VIII.6.d

**06 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

**Ghi chú:** Nêu lý do vì sao không hoàn thành trong một chu kỳ SXKD thông thường.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	51.697.679.793	51.777.679.793
- Đường GTGT BK3	1.147.923.083	1.147.923.083
- Khu dân cư Hoà Bình	1.653.591.160	1.614.397.310
- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM	47.380.200.000	47.380.200.000
- Công trình Cần Bình Thạnh - Huyện Cao Lãnh	462.649.706	462.649.706
- Khu Đô Thị Mỹ Tho	882.034.099	882.034.099
- Thiết kế nhà Sadec	73.535.298	73.535.298
- Khu dân cư Chợ Vàm		80.000.000
- Công trình khác	97.746.447	136.940.297
Cộng	51.697.679.793	51.777.679.793

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI**

Địa chỉ: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2015

**07. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	72.740.171.824	4.602.812.537	6.300.521.097	1.766.522.384	3.482.892.999	88.892.920.841
2. Số tăng trong năm	63.111.207.331	285.579.260	1.096.094.864	599.919.914	15.360.000	65.108.161.369
- Mua trong năm	44.734.675.455	285.579.260	1.096.094.864	599.919.914	15.360.000	46.716.269.493
- Đầu tư XDCB hoàn thành						15.360.000
- Tăng khác	18.376.531.876					18.376.531.876
3. Số giảm trong năm		50.870.000		183.595.909		234.465.909
- Thanh lý, nhượng bán				183.595.909		183.595.909
- Giảm khác		50.870.000				50.870.000
4. Số dư cuối năm	135.851.379.155	4.837.521.797	7.396.615.961	2.182.846.389	3.498.252.999	153.766.616.301

**II. Giá trị hao mòn lũy kế**

1. Số dư đầu năm	12.296.262.672	2.069.251.988	3.939.346.579	1.104.371.054	325.489.907	19.734.722.200
2. Khấu hao trong năm	21.367.364.260	494.985.659	647.424.838	356.805.032	103.457.251	22.970.037.040
- Khấu hao trong năm	2.990.832.384	494.985.659	647.424.838	356.805.032	103.457.251	4.593.505.164
- Tăng khác	18.376.531.876					18.376.531.876
3. Giảm trong năm		4.476.453		183.595.909		188.072.362
- Thanh lý, nhượng bán				183.595.909		183.595.909
- Giảm khác		4.476.453				4.476.453
4. Số dư cuối năm	33.663.626.932	2.559.761.194	4.586.771.417	1.277.580.177	428.947.158	42.516.686.878

**III. Giá trị còn lại**

1. Tại ngày đầu năm	60.443.909.152	2.533.560.549	2.361.174.518	662.151.330	3.157.403.092	69.158.198.641
2. Tại ngày cuối năm	102.187.752.223	2.277.760.603	2.809.844.544	905.266.212	3.069.305.841	111.249.929.423

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 8.813.972.778 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.691.251.874 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm 2015

08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH		Đơn vị tính: VND				
Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	22.150.765.000					22.150.765.000
2. Số tăng trong năm	8.325.838.104					8.325.838.104
- Mua trong năm	918.817.733					918.817.733
- Tặng khác	7.407.020.371					7.407.020.371
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	30.476.603.104					30.476.603.104
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm						
2. Khấu hao trong năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm						
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm						22.150.765.000
2. Tại ngày cuối năm						30.476.603.104

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 4.493.999.999 VND  
 - Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 09. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a, Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>I. Nguyên giá</b>	<b>105.900.867.651</b>	<b>15.942.066.174</b>	<b>69.352.977.371</b>	<b>52.489.956.454</b>
- Quyền sử dụng đất	51.383.674.376	4.501.818.182		46.881.856.194
- Nhà (*)	54.517.193.275	15.942.066.174	64.851.159.189	5.608.100.260
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>20.157.531.981</b>	<b>2.844.503.212</b>	<b>18.376.531.876</b>	<b>4.605.503.317</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	20.157.531.981	2.844.503.212	18.376.531.876	4.605.503.317
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>85.763.335.670</b>			<b>47.884.453.137</b>
- Quyền sử dụng đất	51.383.674.376			46.881.856.194
- Nhà	34.379.661.294			1.002.596.943

(\*) Ghi chú: Bất động sản giảm trong kỳ với nguyên giá 69.352.977.371 đồng là do Công ty thực hiện thay đổi mục đích kinh doanh từ bất động sản đầu tư sang tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh theo QĐ số 01/KD/ASM ngày 20/12/2015 của Tổng Giám Đốc Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngân hạn	192.002.512	29.317.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	192.002.512	29.317.000
Chi phí đi vay		
Các khoản khác		
b) Dài hạn	18.551.828.763	16.952.822.447
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.345.311.528	6.170.239.021
Các khoản khác	13.206.517.235	10.782.583.426
b) Lợi thế thương mại	278.142.587.058	7.032.549.633
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	278.142.587.058	7.032.549.633
<b>Cộng</b>	<b>296.886.418.333</b>	<b>24.014.689.080</b>

**11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

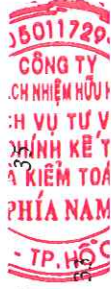
	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - VND	462.259.616.206	462.259.616.206	821.788.769.952	881.193.103.964	521.663.950.218	521.663.950.218
Ngân hàng BIDV/KG	73.500.000.000	73.500.000.000	207.400.000.000	203.900.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	7.782.102.900	7.782.102.900	14.845.242.667	12.249.089.985	5.185.950.218	5.185.950.218
Ngân hàng BIDV/NKKN	144.968.369.080	144.968.369.080	144.968.369.080			
Ngân hàng Bản Việt AG			160.798.393.646	160.798.393.646		
Ngân hàng Việt Á CN SG	95.158.826.000	95.158.826.000	104.757.098.000	9.598.272.000		
Ngân hàng Phát Triển AG				100.980.000.000	100.980.000.000	100.980.000.000
Ngân hàng Tiên Phong	99.242.245.000	99.242.245.000	110.256.417.000	11.014.172.000		
Ngân hàng VP Bank TP HCM	38.328.073.226	38.328.073.226	74.624.249.559	379.196.176.333	342.900.000.000	342.900.000.000
Vay đối tượng khác	3.280.000.000	3.280.000.000	4.139.000.000	3.457.000.000	2.598.000.000	2.598.000.000
Vay ngắn hạn - USD						
<b>Cộng</b>	<b>462.259.616.206</b>	<b>462.259.616.206</b>	<b>821.788.769.952</b>	<b>881.193.103.964</b>	<b>521.663.950.218</b>	<b>521.663.950.218</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2015

b) Vay dài hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Trên 1 năm đến 5 năm	519.995.967.200	519.995.967.200	457.894.528.800	343.329.134.500	405.430.572.900	405.430.572.900	
Ngân hàng Công Thương CN Đồng Tháp							
Ngân hàng Á Châu - AG	246.887.514.800	246.887.514.800	97.273.103.800	18.925.000.000	168.539.411.000	168.539.411.000	
Ngân hàng TMCP Bán Việt - AG	15.625.000.000	15.625.000.000		6.250.000.000	21.875.000.000	21.875.000.000	
Ngân hàng TMCP Liên Việt AG	98.580.000.000	98.580.000.000	100.000.000.000	1.420.000.000			
Ngân hàng Ngoại thương AG	39.536.822.800	39.536.822.800		18.730.000.000	58.266.822.800	58.266.822.800	
Ngân hàng TMCP Phương Đông AG	5.880.000.000	5.880.000.000		19.080.000.000	24.960.000.000	24.960.000.000	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong AG	22.000.000.000	22.000.000.000		3.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	
Ngân hàng Ngoại thương CN Đồng Tháp	573.558.200	573.558.200		4.650.000.000	5.223.558.200	5.223.558.200	
Ngân đối tượng khác	90.913.071.400	90.913.071.400	260.621.425.000	271.211.634.500	101.503.280.900	101.503.280.900	
Trên 5 năm	8.165.130.000	8.165.130.000			8.165.130.000	8.165.130.000	
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	8.165.130.000	8.165.130.000			8.165.130.000	8.165.130.000	
<b>Cộng</b>	<b>528.161.097.200</b>	<b>528.161.097.200</b>	<b>457.894.528.800</b>	<b>343.329.134.500</b>	<b>413.595.702.900</b>	<b>413.595.702.900</b>	

Ghi chú: Chi tiết khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên cho vay	Hop đồng	Hạn mức/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất %/Năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Á Châu An Giang	ING.DN149030614	60.000.000.000	48	11	DA Tân Hiệp	
Ngân hàng Á Châu An Giang	ANG.DN1500814	210.000.000.000	72	11	DA Bình Khánh	
Ngân hàng TMCP Bán Việt -AG	003/2013	25.000.000.000	60	10	DA Tri Tôn	
Ngân hàng TMCP Liên Việt -AG	015/2015/AG	100.000.000.000	60	12	DA Bình Khánh	
Ngân hàng Ngoại thương -AG	108/2012	27.000.000.000	60	10	DA Hội An	
Ngân hàng Ngoại thương -AG	37/2012	8.500.000.000	60	10	DA Trụ Sở	
Ngân hàng Ngoại thương -AG	130/2012	75.000.000.000	120	10	KDC Ngọc Hầu	
Ngân hàng Ngoại thương -AG	271/2012	10.000.000.000	60	10	Khu TD TT	
Ngân hàng TMCP Phương Đông -AG	272/2013	30.000.000.000	36	11	DA Tri Tôn	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong -AG	0274-10.14	25.000.000.000		11	DA Bình Khánh	



Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2015

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>91.682.699.532</b>	<b>91.682.699.532</b>	<b>101.040.087.826</b>	<b>101.040.087.826</b>	
+ Công ty IDI - Phí hoa hồng IDI chi dùm	14.331.105.114	14.331.105.114			2.529.800.000
+ Công ty IDI - Mua 83 nền kdc Bình Khánh	41.600.000	41.600.000			1.439.952.938
+ Công ty IDI - Cá NL (TA)					2.929.423.774
+ Công ty IDI - Chi Phí Gia Công Cá Nguyên Liệu					6.409.297.750
+ Công ty IDI - Phí UTXK, cước tàu, vận chuyển nội bộ					74.862.509.425
+ Công ty IDI - Mua cá (Chi nhánh Lập Vò, Đồng Tháp)	16.160.585.250	16.160.585.250			
+ Công ty IDI - Cá file ( Công ty Du lịch Đồng Tháp)	6.346.901.784	6.346.901.784			
+ Công ty CP XK Thủy Hải Sản Sạch	10.868.191.594	10.868.191.594			
+ Cty TNHH ITV Toàn Cầu	26.204.839.780	26.204.839.780			
+ Công ty Seatecco	664.790.850	664.790.850			102.899.241
+ Khu dân cư Bình Khánh 3 (ba)	402.981.597	402.981.597			466.029.597
+ Bờ Kè (CCN)	4.955.169.750	4.955.169.750			526.762.468
+ Cty Cp Đầu Tư & PT Thủy Sản - Cá Fillet	69.467.600	69.467.600			619.350.600
+ NMCBDC - Xưởng Đ.chai, Xưởng T.phẩm					422.500.000
+ Cty TNHH CK NH Ngoại Thương VN					519.144.000
+ Khu dân cư Bình Thạnh Trung - Láp Vò					760.000.000
+ NMCBDC - Lò hơi & Kho trữ					800.000.000
+ Cty CP Chứng Khoán MB					1.030.000.000
+ CTY CP Tiếp Vận Xanh					2.084.090.265
+ Khu dân cư Bình Khánh 5 (năm)					5.538.327.768
+ Khách hàng khác					
<b>b) Dài hạn</b>	<b>11.637.066.213</b>	<b>11.637.066.213</b>			
<b>Cộng</b>	<b>91.682.699.532</b>	<b>91.682.699.532</b>	<b>101.040.087.826</b>	<b>101.040.087.826</b>	

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

d) Phải trả người bán là các bên liên quan

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI	30.533.290.364	30.533.290.364	88.170.983.887	88.170.983.887
Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	4.955.169.750	4.955.169.750	526.762.468	526.762.468
<b>13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>				
	<b>Trong kỳ</b>		<b>Số cuối năm</b>	
	<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>	<b>Phải nộp</b>
Thuế GTGT	16.346.245.182	9.081.177.010	4.541.991.861	5.516.760.204
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	67.024.298		67.024.298	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		9.249.109.682		2.693.529.345
Thuế thu nhập cá nhân		501.997.953		
Thuế nhà đất, thuế đất...		16.880.462.792	1.889.490.144	
Thuế tiêu thụ đặc biệt		9.013.420	439.325.660	7.300.684.000
Các loại thuế khác		208.601.692		3.166.985
<b>Cộng</b>	<b>16.413.269.480</b>	<b>35.930.362.549</b>	<b>6.937.831.963</b>	<b>16.186.248.345</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	<b>56.978.712.455</b>	<b>22.597.607.768</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	111.774.000	30.410.000
Bảo hiểm xã hội	333.769.701	669.945.617
Bảo hiểm y tế	102.564.221	5.213.981
Bảo hiểm thất nghiệp	23.734.000	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.205.435.425	1.236.065.500
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp		
Trần Thụy Thanh Thảo	20.000.000.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.201.435.108	20.655.972.670
b) Dài hạn	<b>3.027.537.019</b>	<b>3.174.600.241</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.027.537.019	3.174.600.241
<b>Cộng</b>	<b>60.006.249.474</b>	<b>25.772.208.009</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

### 15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	<b>32.771.588.403</b>	
Doanh thu nhận trước		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	32.771.588.403	
b) Dài hạn	<b>7.429.062.147</b>	<b>7.936.325.972</b>
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	7.429.062.147	7.936.325.972
<b>Cộng</b>	<b>40.200.650.550</b>	<b>7.936.325.972</b>

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng: không có

11729  
NG TY  
HIỆM HỮU  
U TỬ  
H KẾ  
EM TO  
A NAN  
P.HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2015

**16. 1. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	476.834.400.000	141.588.960.000	21.266.060.888	4.971.647.795	58.234.527.050	1.517.939.396	704.413.535.129
Tăng vốn trong năm trước	596.043.000.000				89.151.043.528	3.315.915	596.043.000.000
Lãi trong năm trước			2.038.370.342				89.154.359.443
Tăng do trích lập từ lợi nhuận							2.038.370.342
Tăng khác							8.982.195.154
Trích quỹ từ lợi nhuận		(96.531.880.000)			(2.547.962.928)		(2.547.962.928)
Giảm vốn trong năm							(96.531.880.000)
Chia cổ tức					(23.841.720.000)		(23.841.720.000)
Thù lao hội đồng quản trị							
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.072.877.400.000</b>	<b>45.057.080.000</b>	<b>23.304.431.230</b>	<b>4.971.647.795</b>	<b>120.995.887.650</b>	<b>10.503.450.465</b>	<b>1.277.709.897.140</b>
Tăng vốn trong năm nay	1.072.877.400.000						1.072.877.400.000
Lãi trong năm nay			6.437.194.708		85.631.155.321	220.109.418	85.851.264.739
Tăng do trích từ lợi nhuận	53.643.870.000						60.081.064.708
Tăng khác							1.202.100.054
Giảm trong năm		(880.000)					(880.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận					(7.918.659.377)		(7.918.659.377)
Chia cổ tức					(53.643.870.000)		(53.643.870.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>45.056.200.000</b>	<b>29.741.625.938</b>	<b>4.971.647.795</b>	<b>145.064.513.594</b>	<b>11.925.659.937</b>	<b>2.436.158.317.264</b>

Ghi chú : (\*) Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông số 01/NQ-DHCD/2015 ngày 29/03/2015 như sau:  
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 theo tỷ lệ 5% tương đương 5.364.387 CP; giá trị 53.643.870.000 đồng; đã được niêm yết bổ sung theo Quyết định số 3558/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2015 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM

- Thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 1:1 số lượng: 107.287.740 CP; giá trị 1.072.877.400.000 đồng; đã được niêm yết bổ sung theo Quyết định số 442/QĐ-SGDHCM ngày 01/10/2015 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

16 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>Số cuối năm</u>	%	<u>Số đầu năm</u>	%
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các đối tượng khác	2.199.398.670.000	100,00%	1.072.877.400.000	100,00%
Cộng	<u>2.199.398.670.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>1.072.877.400.000</u>	<u>100,00%</u>

### 16 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	1.072.877.400.000	476.834.400.000
- Vốn góp tăng trong năm	1.126.521.270.000	596.043.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.199.398.670.000	1.072.877.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	53.643.870.000	23.841.720.000

### 16 . 4. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	219.939.867	107.287.740
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	219.939.867	107.287.740
- Cổ phiếu phổ thông	219.939.867	107.287.740
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	219.939.867	107.287.740
- Cổ phiếu phổ thông	219.939.867	107.287.740
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

### 16 . 5. Các quỹ của công ty:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	29.741.625.938	23.304.431.230
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.971.647.795	4.971.647.795

### 17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)	11.913,00	103.625,31
- Bảng Anh (EUR)		

#### b) Nợ khó đòi đã xử lý





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bất động sản	361.446.184.277	254.556.871.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.510.992.621	10.273.526.510
Doanh thu thương mại	358.394.110.127	908.493.854.050
Doanh thu thành phẩm khác	48.896.477.188	
Doanh thu xây dựng	148.532.727.273	49.653.585.228
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	148.532.727.273	49.653.585.228
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	364.369.593.496	115.946.586.920
Doanh thu khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>952.780.491.486</u></b>	<b><u>1.222.977.836.928</u></b>

#### b) Doanh thu đối với các bên liên quan

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	Cty liên kết	273.544.404.399

#### 02 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán		201.945.600
Hàng bán bị trả lại	72.164.550.078	23.487.093.120
<b>Cộng</b>	<b><u>72.164.550.078</u></b>	<b><u>23.689.038.720</u></b>

#### 03 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của bất động sản	150.750.962.781	99.424.400.245
- Giá vốn thương mại	344.654.171.718	862.748.475.032
- Giá cung cấp dịch vụ	33.277.082.496	11.262.153.658
- Giá vốn thành phẩm khác	44.927.077.226	
- Giá vốn xây dựng	117.622.260.410	28.434.670.095
<b>Cộng</b>	<b><u>691.231.554.631</u></b>	<b><u>1.001.869.699.030</u></b>

#### 04 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.525.786.004	977.529.635
Cổ tức, lợi nhuận được chia		8.566.479.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	422.056.156	644.562.258
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	337.334.000	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.685.507.841	436.441.440
<b>Cộng</b>	<b><u>11.970.684.001</u></b>	<b><u>10.625.012.333</u></b>

01/7/2016  
 CÔNG TY  
 NHIỆM VỤ  
 VỤ TỬ V  
 ÍNH KẾ T  
 KIỂM TOÁN  
 TP. HỒ C

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	17.880.872.209	48.421.405.704
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	463.051.200	4.144.392.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá	284.155.290	115.149.299
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính do thanh lý công ty liên kết	(3.421.991.585)	
Chi phí tài chính khác	5.682.860.311	
<b>Cộng</b>	<b>20.888.947.425</b>	<b>52.680.947.242</b>

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

#### 06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	13.670.683.130	7.167.419.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.048.406.065	32.596.717.956
Các khoản chi phí bán hàng khác		
<b>Cộng</b>	<b>32.719.089.195</b>	<b>39.764.137.730</b>

#### 06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nguyên, vật liệu	1.762.856.933	1.282.529.514
Chi phí công cụ, dụng cụ	832.550.507	997.252.243
Chi phí nhân viên	24.255.801.016	8.216.559.961
Chi phí khấu hao	1.902.011.412	1.730.356.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.248.757.689	398.397.087
Các khoản chi phí QLDN khác	20.178.923.024	9.990.150.676
<b>Cộng</b>	<b>51.180.900.581</b>	<b>22.615.245.646</b>

### 07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt thu được	988.132.150	781.954.036
<b>Cộng</b>	<b>988.132.150</b>	<b>781.954.036</b>

### 08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	1.963.630.773	343.767.674
Các khoản khác	28.548.999	8.134.919
<b>Cộng</b>	<b>1.992.179.772</b>	<b>351.902.593</b>

### 08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	300.129.084.798	148.066.366.347
Chi phí nhân công	29.146.854.804	18.962.333.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.437.477.479	3.106.041.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.526.972.624	3.484.590.956
Chi phí khác bằng tiền	63.481.641.678	1.481.781.269
<b>Cộng</b>	<b>407.722.031.383</b>	<b>175.101.113.209</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm nay

1.279.683.298.752

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

Năm nay

1.224.522.238.464

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao và tiền lương	3.851.624.443	2.936.965.550

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan

Mối quan hệ

+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia

Công ty liên doanh liên kết

+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.

Công ty liên doanh liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia		
	- Mua cá file	16.160.585.250
	- Mua cá thành phẩm	66.689.290.200
	- Phải trả chi phí ủy thác xuất khẩu	336.000.000
	- Phải trả chi hộ cước vận chuyển	2.370.017.300

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia		
	- Phải trả chi hộ phí hoa hồng	322.750.680
	- Phải trả chi dùm tiền BHXH	19.305.000
	- Bán cá nguyên liệu	254.343.838.540
	- Bán cá tra nguyên liệu	233.650.300.940
	- Phải trả uỷ thác xuất khẩu	48.450.341.145
	- Phải thu tiền mượn tạm	29.000.000.000
	- Phải thu tiền chi hộ BHXH	68.566.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia		
	Tiền uỷ thác xuất khẩu	1.523.316.675

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia		
	Mua nền Bình Khánh	41.600.000
	Tiền chi hộ phí hoa hồng	14.331.105.114
	Bán cá tra nguyên liệu	38.219.787.985
	Ứng trước tiền tổng thầu Nhà máy thức ăn	89.790.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI**

Địa chỉ: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2015

**04 . Thông tin bộ phận****a. Khu vực địa lý**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Đơn vị tính: VND

	Năm nay		Tổng cộng
	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	294.102.771.808	227.897.991.670	358.615.177.930
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>294.102.771.808</b>	<b>227.897.991.670</b>	<b>358.615.177.930</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	138.430.632.511	33.148.769.134	17.804.985.132
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(83.899.989.776)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>105.484.397.001</b>		
Doanh thu hoạt động tài chính	11.970.684.001		11.970.684.001
Chi phí tài chính	(20.888.947.425)		(20.888.947.425)
Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	10.651.571.302		10.651.571.302
Thu nhập khác	988.132.150		988.132.150
Chi phí khác	(1.992.179.772)		(1.992.179.772)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(22.001.097.813)		(22.001.097.813)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.638.705.295		1.638.705.295
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>85.851.264.739</b>		
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	290.857.853.642		290.857.853.642
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	28.284.382.557		28.284.382.557



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI**

Địa chỉ: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2015

	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
	202.626.958.515	72.010.657.450	924.651.182.293	1.199.288.798.258
	202.626.958.515	72.010.657.450	924.651.182.293	1.199.288.798.258
	126.949.291.685	22.542.567.818	47.927.239.725	197.419.099.228
				(62.379.383.376)
				<b>135.039.715.852</b>
				10.625.012.333
				(52.680.947.242)
				14.371.479.983
				781.954.036
				(351.902.593)
				(20.371.178.842)
				1.740.225.916
				89.154.359.443
				16.395.085.248
				49.606.492.989

Đơn vị tính: VND

Năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>
Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết
Thu nhập khác
Chi phí khác
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	993.239.411.300	492.267.627.801	660.385.343.861	2.145.892.382.962
Tài sản không phân bổ				1.762.609.551.601
<b>Tổng tài sản</b>	<b>993.239.411.300</b>	<b>492.267.627.801</b>	<b>660.385.343.861</b>	<b>3.908.501.934.563</b>
Nợ phải trả bộ phận	456.580.590.612	35.884.001.918	7.432.169.801	499.896.762.331
Nợ phải trả không phân bổ				972.446.854.968
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>456.580.590.612</b>	<b>35.884.001.918</b>	<b>7.432.169.801</b>	<b>1.472.343.617.299</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI**

Địa chỉ: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

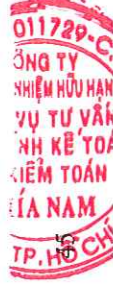
**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2015**

Đơn vị tính: VND

<u>Số đầu năm</u>					
Tài sản bộ phận	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng	
Tài sản không phân bổ	889.716.361.676	442.088.450.752	313.690.417.493	1.645.495.229.921	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>889.716.361.676</b>	<b>442.088.450.752</b>	<b>313.690.417.493</b>	<b>2.481.244.492.433</b>	
Nợ phải trả bộ phận	336.564.514.700	20.441.721.094	7.913.729.425	364.919.965.219	
Nợ phải trả không phân bổ				838.614.630.074	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>336.564.514.700</b>	<b>20.441.721.094</b>	<b>7.913.729.425</b>	<b>1.203.534.595.293</b>	

**b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

<u>Năm 2015</u>	<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Bất động sản</u>	<u>Xây dựng</u>	<u>Thương mại, dịch vụ</u>	<u>Doanh thu khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	289.281.634.199	148.532.727.273	393.905.102.748	48.896.477.188	880.615.941.408
	Tài sản bộ phận	1.819.061.369.273	63.998.355.280	140.989.724.584	121.842.933.825	2.145.892.382.962
	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					290.857.853.642
<b>Năm 2014</b>	<b>Chỉ tiêu</b>					
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	230.867.832.470	49.653.585.228	918.767.380.560	-	1.199.288.798.258
	Tài sản bộ phận	1.514.508.280.878	74.751.846.220	45.077.473.025	11.157.629.798	1.645.495.229.921
	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					16.395.085.248



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	472.339.566.075		389.731.896.437	472.339.566.075
Phải thu khách hàng	362.280.763.909		337.983.074.317	362.280.763.909
Trả trước cho người bán	1.031.044.021.159		270.196.363.430	1.031.044.021.159
Các khoản phải thu khác	179.910.469.822		78.246.563.417	179.910.469.822
Đầu tư tài chính dài hạn	310.885.253.856	(32.587.954)	272.876.816.811	309.507.264.644
<b>Cộng</b>	<b>2.356.460.074.821</b>	<b>(32.587.954)</b>	<b>1.349.034.714.412</b>	<b>2.355.082.085.609</b>
			(13.052.496)	272.863.764.315
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	91.682.699.532		100.236.326.979	91.682.699.532
Người mua trả tiền trước	262.021.416.318		262.021.416.318	262.021.416.318
Vay và nợ	990.420.713.406		935.259.653.118	990.420.713.406
Các khoản phải trả khác	60.006.249.474		25.772.208.009	60.006.249.474
<b>Cộng</b>	<b>1.404.131.078.730</b>		<b>1.061.268.188.106</b>	<b>1.404.131.078.730</b>
				<b>1.061.268.188.106</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

**06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty****a. Rủi ro tín dụng**



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	91.682.699.532			91.682.699.532
Người mua trả tiền trước	262.021.416.318			262.021.416.318
Vay và nợ	462.259.616.206	519.995.967.200	8.165.130.000	990.420.713.406
Các khoản phải trả phải nộp khác	56.978.712.455			56.978.712.455
<b>Cộng</b>	<b>872.942.444.511</b>	<b>519.995.967.200</b>	<b>8.165.130.000</b>	<b>1.401.103.541.711</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.913,00	103.625,31
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác		
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>11.913,00</b>	<b>103.625,31</b>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	5.348.937	44.299.820
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(5.348.937)	(44.299.820)

#### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### d. Tài sản đảm bảo

#### - Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Các khoản phải thu		
Hàng tồn kho	654.669.012.000	705.661.142.000
Tài sản cố định hữu hình	9.230.790.000	9.230.790.000
Quyền sử dụng đất	4.493.999.999	4.493.999.999

**- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**07 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**08 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2014 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán

Thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu kỳ của Bảng cân đối kế toán riêng cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số TT200/QĐ15	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Chênh lệch
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
1. Phải thu ngắn hạn khác	136/135	90.903.144.107	31.034.631.177	59.868.512.930
2. Tài sản ngắn hạn khác	155/158		59.868.512.930	(59.868.512.930)
3. Phải thu dài hạn khác	216/218	582.491.513		582.491.513
4. Tài sản dài hạn khác	261/268		582.491.513	(582.491.513)
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242/230	39.193.850		39.193.850
6. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213/212		39.193.850	(39.193.850)
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
1. Quỹ đầu tư phát triển	418 / 417	23.304.431.230	11.652.215.615	11.652.215.615
2. Quỹ dự phòng tài chính	không có / 418		11.652.215.615	(11.652.215.615)
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71 / 70	1.672	1.698	(26)

Long Xuyên, ngày 28 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng giám đốc  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TÓ NGÂN

NGUYỄN HOÀNG SANG

LÊ THANH THUẬN